

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2020/HC-PT

Ngày 11 - 6 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 62/2018/TLPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ bổ sung”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1453/2017/HC- ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 640/2020/QĐPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1951.

Địa chỉ: 566 X, tổ 4, khu phố 1, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn D, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 566 X, tổ 4, khu phố 1, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 27701 Quyền số 06TP/CC-SCC/GUQ ngày 16/8/2016)

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 2/304 X, khu phố 1, phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ủy ban nhân dân Quận 9: Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 1723/UBND ngày 02/6/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ủy ban nhân dân Quận 9: Ông Hồ Thanh P – Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 và ông Nguyễn Thanh P – Phó trưởng phòng Nghiệp vụ I – Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận 9. (Giấy yêu cầu người bảo vệ số 1738/UBND ngày 03/6/2020)

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị P có ông Võ Văn D là người đại diện hợp pháp trình bày:

Nhà và đất của bà P tại số 566 X, tổ 4, khu phố 1, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong dự án mở rộng X. Ngày 25/10/2010, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 440/QĐ-UBND thu hồi 1356,1 m² đất của bà P.

Ngày 05/01/2012 Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND kèm bảng tính giá trị bồi thường ngày 27/12/2011 trong đó có phần đất phi nông nghiệp 353,3m² bà P sử dụng làm kho bãi chứa sắt thép và đậu xe tải không được bồi thường nên bà P khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 9.

Ngày 21/10/2014 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 1397/2014/HC-PT. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã căn cứ vào khoản 4, Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 và điểm b Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường cho bà P phần đất 353,3m² đất phi nông nghiệp. Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân Quận 9 không kháng cáo.

Ngày 25/12/2015 Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND kèm bảng tính giá trị hỗ trợ bổ sung ngày 16/12/2015 hỗ trợ cho bà P 353,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 xác định là loại đất phi nông nghiệp tại Bảng tính giá trị bồi thường ngày 27/12/2011 và lời khai của người đại diện Ủy ban nhân dân Quận 9 tại bản tự khai ngày 19/07/2013 ở phiên tòa phúc thẩm cũng như các giấy tờ chứng minh đều ghi loại đất phi nông nghiệp và trong nội dung Bản án phúc thẩm số 1397/2014/ HC-PT ngày 21/10/2014 đã tuyên nên việc hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của Ủy ban nhân dân Quận 9 là không đúng loại đất bà P đang sử dụng.

Bà P đã gửi đơn khiếu nại Quyết định số 1336/QĐ-UBND đến Ủy ban nhân dân Quận 9 và được trả lời đơn khiếu nại bằng Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/04/2016.

Không đồng ý với nội dung trả lời đơn khiếu nại trong Quyết định số 25/QĐ-UBND bà P làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được trả lời bằng Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/07/2016. Không đồng ý với nội dung trả lời đơn khiếu nại trong Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 25/8/2016, bà P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Huỷ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

- Huỷ Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Huỷ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

- Yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân Quận 9, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho bà P 353,3m² đất phi nông nghiệp theo đơn giá 30.000.000 đồng/m² được quy định tại khoản 2, mục I, phần VI của Phương án bồi thường số 06/PABT- HĐBT ngày 13/11/2011 (trang 20).

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 09/UBND-BBT ngày 04/01/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Phần diện tích 353,3m² thuộc một phần thửa 16 (16⁻³) tờ bản đồ số 15, loại đất “PNK” (theo sổ mục kê đã ngoại năm 2003 do Ủy ban nhân dân phường đăng ký), hiện trạng là đất trống (theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 29/02/2010 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P). Theo Tài liệu đo năm 2003 phần diện tích này có vị trí mặt tiền đường X do bà P sử dụng bị thu hồi có hiện trạng đất trống, bà P chưa đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất phi nông nghiệp, không có giấy phép kinh doanh, sổ đã ngoại 2003 ghi nhận loại đất ký hiệu “PNK” chỉ có giá trị tham khảo, bà P đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường 05 lần hạn mức đất ở theo quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận 9 hỗ trợ phần đất 353,3m² theo đơn giá đất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) mặt tiền đường X với đơn giá 375.000 đồng/m² và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với đơn giá (2.003.000 đồng/m² x 0,5)/m² là đúng theo quy định tại mục II, khoản 2, phần V Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 và điểm a, b mục 1 Văn bản số 1996/UBND-ĐTMT ngày 29/4/2011. Việc bà P khiếu nại yêu cầu bồi thường phần diện tích 353,3m² là đất phi nông nghiệp theo đơn giá 100% đơn giá đất ở theo quy định của phương án là không có cơ sở xem xét.

Do đó, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bác đơn

khởi kiện của bà Huỳnh Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 3288/UBND-BBT ngày 18/11/2016, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ủy ban nhân dân Quận 9 do ông Nguyễn Văn Thành là người đại diện hợp pháp trình bày:

Căn cứ Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu hồi đất tại phường P, phường H, phường P, phường L và phường T, Quận 9 để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội; Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu hồi đất tại Quận 9 để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về phê duyệt Phương án và dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án mở rộng xa lộ Hà Nội (Kèm theo Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng).

Phần diện tích đất thu hồi của hộ bà Huỳnh Thị P là 1.356,1m² thuộc thửa 15 và một phần thửa 14, 16 tờ bản đồ số 15 (theo tài liệu 2003) tọa lạc tại phường P, Quận 9 theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 và Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

Ngày 20/5/2009, Tổ công tác tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản và hoa màu của hộ bà Huỳnh Thị P; tại Biên bản ghi nhận: diện tích sử dụng là 1.681,7m², diện tích thu hồi là 1.356,1m² gồm: diện tích 13,6m² thuộc thửa 15, diện tích 989,2m² thuộc thửa 14⁻¹, và diện tích 353,3m² thuộc thửa 16⁻³ tờ bản đồ số 15 (tài liệu 2003) phường P. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích 353,3m² mặt tiền Xa lộ Hà Nội; diện tích 1.002,8m² không mặt tiền Xa lộ Hà Nội, hẻm cấp 2, đường đất, rộng trên 5m. (Bà Huỳnh Thị P có ký tên).

Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/02/2010: phần diện tích 1.002,8m² thuộc thửa 15 và một phần thửa 14 tờ bản đồ số 15 (theo tài liệu 2003) tọa lạc tại phường Phước Long A không có mặt nào tiếp giáp mặt đường Xa lộ Hà Nội.

Ngày 16/3/2011, Hội đồng hợp xét nguồn gốc đất hộ bà Huỳnh Thị P; Hội đồng kết luận:

“ - Thống nhất nguồn gốc đất:

- Bổ sung hộ khẩu cũ hoặc chứng minh nhân dân ở địa chỉ 348 để chứng minh thời điểm xây dựng trước ngày 15/10/1993, nếu không có thì thời điểm xây dựng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 30/9/1995.

- Thửa 15 đất trụ điện và thửa 16⁻³ đất công do nhà nước quản lý. Sau ngày 22/4/2002 bà Phụng chiếm dụng và sử dụng cho đến nay. (vì có hợp đồng thuê đất số: 11 ngày 02/5/2003).

- Hồ sơ không có tranh chấp khiếu nại, thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho bà Huỳnh Thị P là chủ sử dụng.

- Biên bản này thay thế cho biên bản họp xét nguồn gốc đất ngày 18/3/2010.”

Ngày 15/4/2014, Ủy ban nhân dân phường P có Công văn số 88/UBND về việc báo cáo về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng của hộ dân tại dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội:

“Nhà - đất do bà Huỳnh Thị P tạo lập, sử dụng trước 18/12/1980 cho đến nay (Đính kèm giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú địa chỉ Tây Hòa do công an huyện Thủ Đức cấp tháng 10/1976, Quyết định đổi số nhà số 4290/QĐ-UB-QLĐT ngày 13/12/2002). Nhà - đất thuộc một phần thửa 14 tờ 15, bản đồ 2003 không thuộc diện lần chiếm đất nhà nước quản lý. Hiện không ai tranh chấp khiếu nại.”

Căn cứ điểm a Điều 2 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

“Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở người đang sử dụng có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định như sau:

a. Trường hợp sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này.”

Ngày 18/9/2014, Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 9 có Thông báo số 344/TB-VP về Kết luận của Hội đồng bồi thường Quận 9; trong đó nêu:

“Thống nhất tính bồi thường bổ sung đối với phần đất diện tích 789,2m² theo quy định 05 lần hạn mức đất ở đối với hộ bà Huỳnh Thị P”

Mặt khác, ngày 07/10/2013, Tổ công tác xác minh và ghi nhận:

“Hộ bà Huỳnh Thị P nằm trong dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội có căn nhà giải tỏa có vị trí mặt tiền đường song hành Xa lộ Hà Nội

(Theo tài liệu 2003 thuộc một phần thửa 14 tờ bản đồ 15)”

Ngày 18/8/2014, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 4062/UBND-ĐTMT về việc xác định giá đất vị trí không mặt tiền đường để tính bồi thường, hỗ trợ trong dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội; trong đó chấp thuận cho những hộ vị trí mặt tiền đường song hành Xa lộ Hà Nội được tính bằng 80% giá đất ở mặt tiền Xa lộ Hà Nội.

Căn cứ mục I phần IV Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng:

“Đất ở mặt tiền Xa lộ Hà Nội (đoạn từ cầu Rạch Chiếc đến ngã tư Thủ Đức): 18.650.000đồng/m²”

Từ những cơ sở trên, hộ bà Huỳnh Thị P sử dụng 989,2m² thuộc một phần thửa 14¹ tờ bản đồ 15 tài liệu 2003 có nhà và đất trước ngày 18/12/1980 được tính năm lần hạn mức đất ở và có vị trí mặt tiền đường song hành Xa lộ Hà Nội nên được tính giá bằng 80% giá đất ở mặt tiền Xa lộ Hà Nội. Do đó, 05/01/2012, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND; ngày 23/4/2012, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND và ngày 14/10/2014, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 904/QĐ-UBND: trong đó tính bồi thường 989,2m² đất ở mặt tiền song hành Xa lộ Hà Nội; không bồi thường 353,3m² đất công mặt tiền Xa lộ Hà Nội (chiếm dụng sau 22/4/2002); không bồi thường 13,6m² đất trụ điện nhà nước quản lý (chiếm dụng sau 22/4/2002).

Ngày 21/10/2014, Tòa án nhân dân thành phố có Bản án phúc thẩm số 1397/2014/HC-PT với nội dung:

“Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 có trách nhiệm điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 và Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 để bồi thường bổ sung cho bà Huỳnh Thị P 353,3m² đất mặt tiền Xa lộ Hà Nội theo quy định pháp luật”

Ngày 17/6/2015, Ủy ban nhân dân phường P có Công văn số 146/UBND về việc báo cáo về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất công chiếm dụng của hộ dân tại dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội với nội dung:

“Bà Huỳnh Thị P sử dụng đất diện tích 353,3m² tại thửa 16 tờ bản đồ 15 (hiện trạng đất trống, trên đất không có vật kiến trúc) là đất công do Nhà nước quản lý”.

Ngày 24/12/2015, Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 9 có Thông báo số 351/TB-VP về Kết luận của Hội đồng Bồi thường dự án; trong đó có nội dung: “thống nhất tính bồi thường bổ sung cho hộ bà Huỳnh Thị P 353,3m² đất nông nghiệp mặt tiền xa lộ Hà Nội và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường”.

Căn cứ mục I phần V Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng và mục 1 Công văn số 1996/UBND-ĐTMT ngày 29/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí mặt tiền đường: 375.000đồng/m².”

Do đó, ngày 25/12/2015, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Huỳnh Thị P; trong đó tính hỗ trợ 353,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền Xa lộ Hà Nội giá 375.000đồng/m² và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính.

Ngày 12/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại: công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/2015.

Ngày 14/7/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 3619/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại: công nhận và giữ nguyên Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố công nhận và giữ nguyên Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1453/2017/HC- ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3, Khoản 4 Điều 32; Khoản 1, Điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; điểm d Khoản 2 Điều 157, Khoản 1 Điều 158; Điều 173, Điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 68 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc hủy Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và yêu cầu bồi thường cho bà Huỳnh Thị P diện tích 353,3m² đất phi nông nghiệp theo đơn giá 30.000.000 đồng/m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/11/2017, người khởi kiện là bà Huỳnh Thị P có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, hủy các Quyết định 3619, quyết định 25, quyết định 1336 và yêu cầu UBND Quận 9, UBND Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo nội dung bản án phúc thẩm số 1397/2014/HCPT ngày 21/10/2014 bồi thường cho bà P 353,3m² đất phi nông nghiệp có giá 30.000.000đ/m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người khởi kiện trình bày: Ủy ban bồi thường cho bà P là đất nông nghiệp nhưng các chứng cứ thể hiện là đất phi nông nghiệp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy các quyết định nêu trên và bồi thường đúng theo giá đất

phi nông nghiệp theo phương án bồi thường số 06/PABT-HĐBT ngày 13/11/2011.

Người bảo vệ của Chủ tịch UBND Quận 9 và UBND Quận 9 cho rằng đất bà P chưa đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất phi nông nghiệp, không có giấy phép kinh doanh, ghi ký hiệu “PNK” chỉ giá trị tham khảo nên UBND Quận 9 hỗ trợ 353,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền X giá 375.000 đồng/m² và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính là đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Hiện trạng diện tích 353,3m² của bà P là đất trống, bà P không đóng thuế phi nông nghiệp, không có giấy phép kinh doanh, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường theo giá đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2, mục 1, phần VI của Phương án bồi thường số 06/PABT-HĐBT. Do đó, UBND Quận 9 đã bồi thường bổ sung cho bà P đất nông nghiệp mặt tiền X và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường là phù hợp đảm bảo lợi ích cho bà P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà;

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 157; Điều 158 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện như cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định tại Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại Bản án phúc thẩm số 1397/2014/HC-PT ngày 21/10/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: “*Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 có trách nhiệm điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 và Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 để bồi thường bổ sung cho bà Huỳnh Thị P 353.3m² đất mặt tiền X theo quy định của pháp luật.*” Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận 9 gửi đơn Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại bản án nói trên. Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm số 292/TB-VC3-V3 ngày 15/4/2016 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời không có cơ sở kháng nghị giám đốc thẩm. Như vậy, bản án đã có hiệu lực pháp luật các đương sự cần phải chấp hành theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật tố tụng hành chính “*Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được*

thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, các nhân tôn trọng. Cơ quan, tổ chức có liên quan phải chấp hành nghiêm chỉnh.” Và theo quy định tại khoản 2 Điều 309 Luật tổ tụng hành chính những Bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính được thi hành là *“Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm”*

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, phần đất do bà P khai phá sử dụng liên tục trước năm 1975 đến nay không ai tranh chấp, có tờ khai chế độ cũ và hộ khẩu năm 1976, đất thực tế sử dụng trước khi công bố quy hoạch lộ giới X, không vi phạm khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 84). Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Nghị định 84 về bồi thường hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất sử dụng trước ngày 15/10/1993 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: *“Trường hợp đất đang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp (không phải đất ở) và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng...”*. Căn cứ quy định nêu trên thì bà P phải được bồi thường đất phi nông nghiệp là có căn cứ. Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường bổ sung cho bà P diện tích 353.3m² theo đơn giá đất nông nghiệp là không đúng.

Do đó, hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, huỷ Quyết định số 3619/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/7/2016, Quyết định số 25/QĐ-UBND của UBND Quận 9 ngày 12/4/2016, Quyết định 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND Quận 9.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị P. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P:

Huỷ các Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 25/12/1015 của Ủy ban nhân dân Quận 9, Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định số 3619/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/7/2016.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường cho bà Huỳnh Thị P diện tích 353.3m² thuộc một phần thửa 16 tờ bản đồ 15 loại đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; được hoàn lại 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00031117 ngày 20/9/2016 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch UBND Quận 9, Ủy ban nhân dân Quận 9 mỗi đương sự phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị P không chịu án phí hành chính phúc thẩm; được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu số 0048178 ngày 17/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự; (4)
- Lưu: VP (4), HS (2) 17b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân